

Số: /BC-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022

Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh Ninh Bình năm 2022 ban hành kèm theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh, trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) do các đơn vị được giao thực hiện, UBND tỉnh Ninh Bình báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2022, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Ngày 20/01/2022, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Kế hoạch của tỉnh, các Sở, ngành đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức rà soát, đánh giá quy định của 71 TTHC thuộc 26 lĩnh vực; các TTHC đều thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ, ngành Trung ương và thẩm quyền giải quyết của các Sở, ngành (*Có danh mục rà soát kèm theo*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN, PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì rà soát, đánh giá đã tiến hành rà soát, đánh giá quy định của 71 TTHC thông qua 71 Biểu mẫu 02/RS-KSTT ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính.

Văn phòng UBND tỉnh đã tổng hợp, phân tích, đánh giá và thống nhất đề nghị giữ nguyên 45/71 TTHC; thông qua phương án đơn giản hoá đối với 26/71 TTHC được rà soát, trong đó: Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC đối với 24 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cắt giảm thành phần hồ sơ đối với 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (12 TTHC)

1.1. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, trên thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.2. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, trên thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 51 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.3. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 1, 2, 3 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.4. Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, trên thực tế giải quyết có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 8 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.5. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 36 Luật Đầu tư; Khoản 4, 5 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.6. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 6, 7, 8, 10, 11 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.7. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4, 6, 7 Điều 49 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.8. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.9. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 5, 6, 7 Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.10. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 32 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 25 ngày làm việc (giảm 21,8% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4, 5 Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.11. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 12 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 10 ngày làm việc (giảm 16,6% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

1.12. Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 18 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 16 ngày làm việc (giảm 11,1% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Sở Công Thương (04 TTHC)

2.1. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 9,5 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 9 ngày làm việc (giảm 5,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c Khoản 4 Điều 17 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu.

2.2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 6,75 ngày (54 giờ) làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 6,25 ngày (50 giờ) làm việc (giảm 7,4% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b Khoản 3 Điều 26 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 về kinh doanh rượu.

2.3. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 19,5 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 19 ngày làm việc (giảm 2,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Sửa đổi điểm c Khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu.

2.4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do sở Công Thương thực hiện

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do sở Công Thương thực hiện.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 19,5 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 19 ngày làm việc (giảm 2,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c Khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

3. Sở Tư pháp (01 TTHC)

3.1. Thủ tục Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 15 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 14 ngày làm việc (giảm 6,6% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

4. Sở Thông tin và Truyền thông (04 TTHC)

4.1. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 09 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ quy định Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng

4.2. Các TTHC (03 thủ tục) gồm: sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với thời gian quy định của các TTHC (03 thủ tục) gồm: sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 09 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ quy định Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (03 TTHC)

5.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 2,5 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 13 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 10,5 ngày làm việc (giảm 19,2% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

5.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 04 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 11 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 07 ngày làm việc (giảm 36,4% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3 Điều 35 Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

5.3. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với thời gian quy định của thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 08 ngày làm việc (giảm 20% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (02 TTHC)

6.1. Thủ tục Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Người lao động, người sử dụng lao động không cần xuất trình Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Lý do: Văn bản này do UBND tỉnh ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị theo dõi, quản lý trực tiếp, do đó trong quá trình thực hiện TTHC nhận thấy việc xuất trình Văn bản này của người lao động, người sử dụng lao động là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 152/2020/NĐCP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

6.2. Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Người lao động, người sử dụng lao động không cần xuất trình Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Lý do: Văn bản này do UBND tỉnh ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là đơn vị theo dõi, quản lý trực tiếp, do đó trong quá trình thực hiện TTHC nhận thấy việc xuất trình Văn bản này của người lao động, người sử dụng lao động là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 152/2020/NĐCP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Các cơ quan, đơn vị đã tiến hành rà soát trọng tâm vào các TTHC phát sinh nhiều hồ sơ, đã quan tâm, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành và phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh để tổ chức thực hiện rà soát TTHC, huy động được đội ngũ cán bộ, công chức thuộc lĩnh vực được phân công rà soát tại các cơ quan, đơn vị cùng tham gia công tác rà soát.

- Việc tổ chức rà soát thực hiện đúng quy trình, tổ chức đánh giá từng TTHC từ đó đưa ra những đề xuất, phương án kiến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu điều kiện của địa phương.

2. Tồn tại

- Một số sở, ngành chưa chủ động triển khai công tác rà soát, đánh giá quy định thủ tục hành chính hoặc có triển khai nhưng chưa xác định đúng yêu cầu, trọng tâm nhiệm vụ rà soát TTHC theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Việc rà soát diện biểu mẫu các quy định, thủ tục hành chính đã được lựa chọn còn nhiều lúng túng dẫn tới kết quả, chất lượng rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và tổng hợp kết quả rà soát tại một số ngành, đơn vị còn chưa đảm bảo theo đúng yêu cầu.

- Chưa huy động được đông đảo người dân, doanh nghiệp tham gia vào công tác kiểm soát TTHC thông qua các kênh phản ánh, kiến nghị; vai trò của người dân, doanh nghiệp trong góp ý về quy định TTHC chưa được phát huy mạnh mẽ.

3. Nguyên nhân

- Một số Bộ, ngành công bố TTHC nhưng không gửi nội dung TTHC về địa phương hoặc chậm cập nhật TTHC lên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC hoặc có cập nhật nhưng chưa đầy đủ các TTHC lên cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của công tác rà soát, đánh giá TTHC đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đời sống của nhân dân nên chưa có sự quan tâm đúng mức,

chỉ đạo chưa thực sự quyết liệt trong việc thực hiện rà soát, đánh giá quy định TTHC, dẫn đến còn thiếu chủ động trong việc đề xuất danh mục TTHC cần rà soát, đánh giá

- Cán bộ đầu mối thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại cơ quan đơn vị thường xuyên thay đổi, do đó chưa có kinh nghiệm trong công tác tham mưu, giúp lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong thực hiện rà soát, đánh giá TTHC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ QUY ĐỊNH TTHC NĂM 2023

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC, thực hiện xây dựng, ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2023 đảm bảo theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC theo tiêu chí đánh giá về sự phù hợp với thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chủ động phối hợp, đề xuất rà soát, đánh giá đối với các TTHC có quy định bất cập, không phù hợp, khó thực hiện trên thực tế, còn rườm rà, phức tạp, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân nhằm góp phần giải quyết và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia thực hiện TTHC;

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng chính quyền số nói chung, dịch vụ công trực tuyến nói riêng, tạo điều kiện cho người dân nắm bắt kịp thời lợi ích của việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến;

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong cải cách TTHC nhất là rà soát, đánh giá quy định TTHC; thông qua đó nâng cao chất lượng công tác rà soát, đánh giá TTHC./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VP7, TTPVHCC.

ĐN_VP7_BC_2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Quang Thìn

